

Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập ngành Công Thương

TS. NGUYỄN HUY HOÀN,

Phó Vụ trưởng Vụ KH&CN, Bộ Công Thương

1. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 115/2005/NĐ-CP

Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN nói chung và cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập nói riêng là một chủ trương lớn và là nhiệm vụ quan trọng, khởi đầu bởi "Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 28/9/2004.

Sau đó là, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 (NĐ 115) về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tài chính và tài sản, tổ chức và biên chế của các tổ chức KH&CN công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 (NĐ 80) về doanh nghiệp KH&CN. Đây là 2 văn bản cơ bản làm căn cứ thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN trong cả nước.

Tại thời điểm NĐ 115 của Chính phủ được ban hành, hệ thống tổ chức KH&CN của Bộ Công Thương có 24 viện nghiên cứu, bao gồm 09 viện trực thuộc Bộ được Nhà nước cấp toàn bộ kinh phí chi thường xuyên cho lương và hoạt động bộ máy theo biên chế được phê duyệt và 15 viện trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty 90 và 91 tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên cho lương và hoạt động bộ máy.

Theo chức năng nhiệm vụ, trong số 24 viện nêu trên, có Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách công nghiệp và Viện Nghiên cứu Thương mại không thuộc diện phải chuyển đổi mô hình hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; 22 viện còn lại là các viện nghiên cứu và phát triển chuyên ngành thuộc diện phải chuyển đổi mô hình hoạt động.

Bộ Công Thương đã tích cực triển khai thực hiện chủ trương của Chính phủ trong việc đổi mới mô hình hoạt động của các viện nghiên cứu với những kết quả như sau:

- Đến cuối năm 2006, Bộ Công Thương đã phê duyệt Đề án chuyển đổi tất cả các viện thuộc diện phải chuyển đổi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại NĐ 115.

- Đối với các viện nghiên cứu thuộc thẩm quyền phê duyệt của các tập đoàn và tổng công ty 91, đã có 02 viện hoạt động thí điểm theo mô hình doanh nghiệp KH&CN (Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp và Viện KTKT Thuốc lá)



Phòng thí nghiệm của Viện Nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy

trước khi có NĐ 80, 12 viện đã được các tập đoàn và tổng công ty phê duyệt Đề án chuyển đổi hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm NĐ 115; Viện Nghiên cứu Rượu-Bia-Nước giải khát nằm trong Tổng công ty CP Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội được tổ chức và hoạt động như một phòng chuyên môn của Tổng công ty.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM

2.1. Tự chủ về nhiệm vụ KH&CN

Kết quả thực hiện việc chuyển đổi mô hình hoạt động của các tổ chức KH&CN của Bộ Công Thương theo NĐ 115 trong thời gian qua bước đầu đã mang lại hiệu quả cho các viện, phát huy nguồn lực sáng tạo của cán bộ KH&CN, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường sự gắn kết giữa nghiên cứu với sản xuất.

Sau khi được chuyển đổi mô hình hoạt động, nhìn chung các viện trong Bộ Công Thương đều năng động và tự chủ cao hơn trong hoạt động nói chung và trong hoạt động nghiên cứu triển khai, dịch vụ KH&CN, nhờ đó, doanh thu từ hoạt động KH&CN của nhiều viện đã tăng đáng kể, trong đó tỉ lệ doanh thu từ các hợp đồng tư vấn, dịch vụ KH&CN, chuyển giao công nghệ từ các nguồn ngoài NSNN đã tăng mạnh. Theo số liệu báo cáo, một số viện như Viện Nghiên cứu Cơ khí, Viện IMI, Viện KHCN mỏ Vinacomin, Viện Dầu khí, có doanh thu từ các hoạt động nghiên cứu, tư vấn KH&CN và sản xuất kinh doanh năm 2010 đạt trên 500 tỉ, theo đó, thu nhập của người lao động cũng tăng đáng kể (bình quân trên 10 triệu đồng/người/tháng); một số viện khác như Viện KH&CN Mỏ-Luyện kim, Viện KTKT Thuốc lá, Viện Cơ khí năng lượng và mỏ-Vinacomin... có doanh thu trên 100 tỉ đồng.

2.2. Tự chủ về tổ chức

Thực hiện các đề án chuyển đổi, về tổ chức, các viện đã rà soát lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ từng tổ chức trong đơn vị, bộ máy của đơn vị; điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi chức năng nhiệm vụ của đơn vị; xây dựng và được phê duyệt các điều lệ tổ chức và hoạt động, hình thành và phát triển một số tổ chức mới trong đơn vị, thu gọn hoặc sáp nhập các phòng ban cho phù hợp với nhiệm vụ và tình hình mới. Một số viện đã chủ động chuyển đổi, thành lập hoặc tham gia góp vốn hình thành các công ty con trực thuộc viện hoạt động như doanh nghiệp KH&CN để đẩy mạnh hơn hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu và phát triển sản xuất, phát triển sản phẩm mới.

2.3. Tự chủ về tài chính

Nhìn chung, việc chuyển đổi mô hình hoạt động cũng đã trao cho các viện tính tự chủ cao hơn trong việc huy động và sử dụng các nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, dịch vụ KH&CN và sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, trong chi trả lương và chi thu nhập tăng thêm, các viện được quyền quyết định chi tiêu theo Quy chế chi tiêu nội bộ sau khi đã trừ các khoản chi và trích lập các quỹ theo quy định. Trong chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN từ nguồn kinh phí nhà nước cấp, các viện cũng được thực hiện cơ chế khoán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTTL-BTC-BKHHCN về chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án.

2.4. Tự chủ về nhân lực KH&CN

Nhìn chung, các viện nghiên cứu trong Bộ Công Thương đều được cơ cấu tổ chức theo 3 khối chính là: khối văn phòng, khối nghiên cứu-dịch vụ KH&CN và khối triển khai thực nghiệm (sản xuất). Trên cơ sở tổ chức đã được phê duyệt trong đề án chuyển đổi, các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao, khối lượng công việc để xây dựng đội ngũ nhân lực đủ đáp ứng nhu cầu công việc. Các viện được quyền quyết định về biên chế và tuyển dụng cán bộ theo nhu cầu phát triển của mình.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển sau chuyển đổi, các đơn vị đã tổ chức đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ hoặc để phù hợp với vị trí công tác mới; sắp xếp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, nhân viên của đơn vị.

2.5. Tự chủ về hợp tác quốc tế

Trong hoạt động hợp tác quốc tế, các đơn vị cũng đã chủ động hơn trong hình thức hợp tác và việc tìm kiếm đối tác có đủ năng lực và phù hợp để hợp tác trong hoạt động nghiên cứu và dịch vụ KH&CN, qua đó, nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho viện như: Viện Dầu khí đào tạo được 7 tiến sĩ và 10 thạc sĩ thông qua dự án ODA với Đan Mạch; Viện Nghiên cứu Cơ khí đào tạo được đội ngũ cán bộ tư vấn về dự án công trình cơ khí thủy công, công trình khai thác, chế biến quặng bauxit; Viện KHCN Mỏ - Vinacomin đã kết hợp tốt việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua các dự án hợp tác với nước ngoài như: Hợp tác với Nhật Bản triển khai dự án khí mỏ, dự án chống bụi nước mỏ hầm lò; hợp tác với CHLB Nga, Trung Quốc, Ba Lan để triển khai các dự án chuyển giao công nghệ đào lò, khai thác than hầm lò và lộ thiên...

3. NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG THỰC HIỆN NĐ 115

Mặc dù NĐ 115 đã mang lại cho các viện nghiên cứu những chuyển biến tích cực, nhưng trong quá trình thực hiện, các viện trong Bộ Công Thương vẫn còn gặp khá nhiều khó khăn, vướng mắc.

3.1. Về huy động vốn

Do các viện hoạt động theo cơ chế NĐ 115 nên về nguyên tắc không thể sử dụng tài sản như đất đai để thế chấp vay vốn nên hạn mức tín dụng của các viện thấp không đủ để thực hiện các hợp đồng kinh tế lớn; việc khai thác cơ sở hạ tầng chưa được vận dụng, khai thác và đưa vào liên doanh liên kết tạo nguồn thu bổ sung kinh phí cho hoạt động của các viện.

Để huy động vốn của xã hội, một số viện (ví dụ, Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện IMI) đã tham gia góp vốn thành lập một số công ty cổ phần, các cán bộ của các viện đó có tham gia điều hành công ty này. Tuy nhiên, hình thức huy động vốn này chưa được quy định cụ thể trong các văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Về đầu tư chiều sâu

Cơ sở hạ tầng, các phòng thí nghiệm của nhiều viện nghiên cứu, đặc biệt là các viện thuộc các tổng công ty như Viện Luyện kim đen, Viện công nghiệp Giấy và Xenlulo, Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hồ v.v. đều xuống cấp và lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu phục vụ nghiên cứu, cần được đầu tư đổi mới, nâng cấp nhưng không thể tiếp cận nguồn vốn đầu tư phát triển của Nhà nước, trong khi đầu tư từ các tổng công ty lại hết sức eo hẹp, gần như không đáng kể nên không đáp ứng yêu cầu phục vụ nghiên cứu.

3.3. Về tổ chức, hành chính

Việc các viện phải chuyển đổi con dấu trong khi vẫn hoạt động theo hình thức đơn vị hành chính sự nghiệp có thu với hoạt động chính vẫn là các hoạt động nghiên cứu KH&CN, hoạt động sản xuất mới chỉ được hình thành ở quy mô nhỏ,



Lắp ráp băng tải dọc lòng máng sâu của Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ

sản xuất thử nghiệm, sản phẩm không ổn định nhưng phải thực hiện đóng thuế, tính lương theo doanh nghiệp đã gây khó khăn không nhỏ cho các viện sau chuyển đổi.

Sau khi chuyển đổi thành tổ chức tự chủ, tự chịu trách nhiệm, các viện thực hiện đăng ký kinh doanh và được cơ quan quản lý (Sở Kế hoạch và Đầu tư) nhanh chóng cấp Đăng ký kinh doanh theo quy định. Tuy nhiên, con dấu phải đổi sang mẫu dấu của tổ chức kinh tế theo quy định tại điểm 2.6.1, phần D, mục II của Thông tư 08/2003/TT-BCA ngày 12/05/2003 của Bộ Công an (khắc số Đăng ký kinh doanh – S.Đ.K.K.D và ghi đối tượng là Doanh nghiệp nhà nước – D.N.N.N) không tạo được thuận lợi trong các giao dịch về hoạt động KH&CN, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác.

3.4. Về thuế

Vấn đề miễn, giảm thuế đối với các viện sau khi chuyển đổi đã có quy định trong Nghị định, tuy nhiên do chưa có hướng dẫn cụ thể nên hiện nay Cục thuế thực hiện còn lúng túng, cần có hướng dẫn cụ thể để các viện chuyển đổi được hưởng miễn, giảm thuế đối với mọi loại hình hoạt động của viện. Việc thực hiện xin miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị chuyển đổi theo ND 115 không được các cơ quan có thẩm quyền đáp ứng.

3.5. Về thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước

Các định mức dự toán quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã quá lạc hậu và chưa được sửa đổi theo hướng tính đủ chi phí tiền công, tiền lương, chi khấu hao tài sản, chi hành chính, chi phí quản lý... gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN của đơn vị.

4. MỘT VÀI KIẾN NGHỊ

Để KH&CN thực sự trở thành động lực thúc đẩy và đóng góp ngày càng nhiều hơn nữa vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và ngành Công Thương nói riêng, Bộ Công Thương đề xuất một số kiến nghị sau:

- Chính phủ có cơ chế hình thành và gắn các chương trình KH&CN với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm của đất nước, thông qua đó, KH&CN trong nước có điều kiện để phát triển là làm chủ các công nghệ mới, tạo ra được các sản phẩm của Việt Nam với tỉ lệ hàm lượng KH&CN trong nước cao hơn.

- Tiếp tục cải tiến cơ chế quản lý KH&CN nói chung và quản lý tài chính trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nói riêng theo hướng giảm các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng hơn cho các nhà khoa học trong việc quyết định các nội dung và định mức chi; điều chỉnh định mức chi cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay (hiện đã lạc hậu), có tính đủ các khoản chi lương và chi liên quan khác. Xem xét, bổ sung các cơ chế và định mức chi cho các chuyên gia nước ngoài trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; điều chỉnh cơ chế quản lý theo hướng khoán sản phẩm đầu ra đối với các đề tài nghiên cứu.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế theo ND 115 và ND 80. Xem xét ban hành cơ chế giao và quản lý đất và tài sản cho các đơn vị đã chuyển đổi, tạo điều kiện thuận lợi trong việc huy động vốn triển khai các hợp đồng lớn.

- Xem xét, điều chỉnh chủ trương đầu tư chiều sâu cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu cho các tổ chức KH&CN từ NSNN theo nhu cầu phát triển KH&CN, không phân biệt tổ chức nghiên cứu trực thuộc Bộ hay trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty; có chương trình đầu tư một số hệ thống thiết bị phục vụ nghiên cứu quy mô pilot cho một số lĩnh vực quan trọng để phát triển kết quả nghiên cứu quy mô phòng thí nghiệm lên quy mô lớn, quy mô bán công nghệ, khẳng định công nghệ trước khi phát triển ở quy mô công nghiệp.

- Nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN theo hướng gắn kết chặt chẽ về trách nhiệm và quyền lợi của nhà nghiên cứu và nhà sản xuất; làm rõ cơ chế, trách nhiệm quản lý và phối hợp đồng bộ giữa Bộ KH&CN với Bộ quản lý ngành trong việc xây dựng kế hoạch, xét duyệt, tuyển chọn chương trình, đề tài, đề án cấp Nhà nước, cấp Bộ để đảm bảo tính cần thiết, đúng đối tượng và đủ kinh phí thực hiện, theo nguyên tắc Bộ KH&CN xem xét các chương trình 5 năm, Bộ quản lý ngành phê duyệt và thực hiện chương trình hàng năm.

- Có chính sách tiền lương, chính sách sử dụng đội ngũ trí thức, đặc biệt là đội ngũ trí thức có học vấn cao hợp lý nhằm thu hút người tài, hạn chế tình trạng chảy máu chất xám; động viên các nhà khoa học, kể cả những người đã nghỉ hưu và những người đang sinh sống ở nước ngoài tham gia hoạt động trong lĩnh vực, KH&CN.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho các tổ chức KH&CN, nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách cụ thể phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng các tài năng; mở rộng dân chủ, khuyến khích sáng tạo, phát minh, sáng kiến và bảo vệ sở hữu trí tuệ.

- Có cơ chế, chính sách chặt chẽ trong việc ràng buộc trách nhiệm đổi mới, cải tiến công nghệ gắn với nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng đối với chủ các doanh nghiệp, đặc biệt là chủ doanh nghiệp nhà nước. ❖